

Bài tập:
Sắp xếp câu
(thêm dấu câu):

1. 手机 了 她 的 关
Shǒu jī le tā de guān

2. 回 了 家 他 吗
Huí le jiā tā ma

3. 了 已经 孩子 睡
Le yǐjīng hái zi shuì

4. 买 我 了 衣服
Mǎi wǒ le yīfu